

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2024/DS-PT
Ngày 11-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Ông Nguyễn Trung Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2023/TLPT-DS ngày 10/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2022/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2024/QĐ-TA ngày 09/5/2023; Quyết định tạm đình chỉ số 23/2023/QĐ-TA ngày 09/6/2023; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 10/2024/QĐ-TA ngày 20/6/2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 35/2024/TB-TA ngày 09/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2024/QĐ-TA ngày 18/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 393/2024/QĐ-TA ngày 08/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2024/QĐ-TA ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Duy B, sinh năm 1958; địa chỉ: số 32 N, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Triệu Đăng K; sinh năm 1986; địa chỉ: số 1/75 ấp V, V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2023), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Bùi Tấn T1, sinh năm 1972; địa chỉ: số 16 Nguyễn Thanh T, Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2023), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Lê Hồ Phương T, sinh năm 1978; địa chỉ: số 60/25, tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số 1071 đường L, tổ 16, khu phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Minh H, sinh năm 1996; địa chỉ: số 9/6 Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy uỷ quyền ngày 21/10/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Nhật Q – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Lê Hồ Phương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên ông Vũ Duy B cho bà Lê Hồ Phương T vay tiền nhiều lần, tính đến ngày 16/10/2020, bà T vay của ông B số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên, từ lúc vay tiền đến nay bà T không trả tiền gốc và lãi cho ông B mặc dù ông B đã nhiều lần yêu cầu.

Vì vậy, ông B khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng. Đối với tiền lãi suất, ông B yêu cầu bà T trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, tạm tính từ ngày 16/10/2020 đến ngày 16/5/2022 là 19 tháng với số tiền 633.333.333 đồng. Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng theo thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 16/10/2020, tạm tính từ ngày 16/10/2020 đến ngày 16/6/2022 là 20 tháng với số tiền 800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, cụ thể nguyên đơn yêu cầu bà T trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 17/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/12/2022 với số tiền 858.773.333 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 2.858.773.333 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy vay tiền ngày 16/10/2020.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hồ Minh H trình bày: Bà T xác định không quen biết ông B, không biết ông B là ai và không vay tiền của ông B. Vào ngày 16/10/2020, bà T không gặp ông B. Bà T yêu cầu ông B phải chứng minh ai là người lập giấy vay tiền, giấy vay tiền được lập ở đâu, thời gian nào và yêu cầu ông B chứng minh chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là của bà T, yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu vì ông B xác định khoản nợ bà T vay trước ngày 16/10/2020. Ngoài ra, bà T không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay trong giấy vay tiền ngày 16/10/2020 và xác định không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay trong giấy vay tiền ngày 16/10/2020 vì đó là nghĩa vụ của nguyên đơn, nguyên đơn là người phải yêu cầu giám định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2022/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Duy B đối với bị đơn bà Lê Hồ Phương T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Hồ Phương T phải trả cho ông Vũ Duy B tổng số tiền 2.858.773.333 đồng (hai tỷ tám trăm năm mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó gồm: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) tiền nợ gốc và 858.773.333 đồng (tám trăm năm mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 12 năm 2022 bị đơn bà Lê Hồ Phương T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Trương Nhật Q trình bày:

Trong vụ án này, tại cấp sơ thẩm, bị đơn yêu cầu đối chất với nguyên đơn nhiều lần nhưng nguyên đơn không xuất hiện và có văn bản yêu cầu không đối chất. Bị đơn mong muốn gặp nguyên đơn và đối chất với nguyên đơn nhưng nguyên đơn chỉ xuất hiện duy nhất ở phiên tòa sơ thẩm, lúc đó bị đơn vắng mặt nên không gặp trực tiếp để đối chất tại phiên tòa sơ thẩm được. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn cũng có yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm cho bị đơn gặp được mặt nguyên đơn để đối chất làm rõ các khoản vay nợ theo yêu cầu của nguyên đơn là lúc nào, bao nhiêu tiền, làm rõ tại sao nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn không quen biết nhau nhưng nguyên đơn lại cho rằng có quen bị đơn và cho bị đơn vay tiền nhiều lần, bị đơn muốn đối chất với nguyên đơn tuy nhiên nguyên đơn ông Vũ Duy B là bên khởi kiện bị đơn nhưng không có lần nào xuất hiện trên tòa án cấp phúc thẩm để gặp mặt và đối chất với bị đơn.

Theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Tại giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp có nội dung: “... tính đến ngày 16/10/2020 là vay số tiền 2 tỷ đồng”, nhưng trong đơn khởi kiện lại xác định “ngày 16/10/2020 bà T có vay 2 tỷ đồng” là có mâu thuẫn, trong bản tự khai đầu tiên nguyên đơn xác định hai bên có mối quan hệ và vay tiền nhiều lần nhưng nguyên đơn không đưa được các chứng cứ vay tiền mỗi lần bao nhiêu, lãi bao nhiêu, tính từ ngày nào để có cơ sở xác định vào ngày 16/10/2020 nợ là bao nhiêu đợt, các khoản tiền còn thời hiệu để xác định nghĩa vụ trả lãi hay không. Cấp sơ thẩm đã không làm rõ các mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn và đại diện nguyên đơn về các khoản vay.

Về thời điểm ký giấy vay tiền: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định giấy vay tiền lập lại nhà ông B, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có hỏi lập và ký vào buổi nào nhưng đại diện nguyên đơn nói không nhớ, chỉ xác định đúng ngày 16/10/2020 có ký. Bị đơn bà T có chứng cứ là ngày đó bà T có mặt

tại Bình Dương, buổi sáng đi ký giấy xác nhận độc thân và xác nhận tình trạng bắt động sản và buổi chiều thì đi ký hợp đồng chuyển nhượng với bà Tổ U. Bà T2 cũng có văn bản trình bày là cả ngày hôm đó bà T2 đi chung với bà T và không rời khỏi Bình Dương. Ngoài ra, không có cơ sở xác định như trình bày của nguyên đơn về việc ký giấy vay tiền. Bởi lẽ, theo nguyên đơn thì Giấy vay tiền được lập ngày 16/10/2020 tại địa chỉ số 32 N, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tại kết luận giám định ở mục số 3 có nội dung là không xác định được chữ ký của ông B và bà T có ký cùng thời điểm hay không. Do đó, không có căn cứ chứng minh giấy vay tiền được nguyên đơn và bị đơn ký cùng thời điểm như nguyên đơn đã trình bày. Mặt khác, nội dung giấy vay tiền xác định tính đến ngày 16/10/2020 số tiền nợ là 2.000.000.000 đồng. Nguyên đơn không chứng minh được có giao tiền hay không, thời điểm nào giao tiền, giao bao nhiêu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định thời điểm tính lãi từ ngày 16/10/2020 là không phù hợp.

Từ những tình tiết trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Bình Dương tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 96, Điều 97, Điều 100 và Điều 210, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể:

Căn cứ đơn khởi kiện và chứng cứ nguyên đơn cung cấp bản photocopy “Giấy vay tiền lập ngày 16/10/2020” có nội dung “...*Bằng văn bản này bà Lê Hồ Phương T xác nhận tính đến ngày 16/10/2020 đã nhận số tiền vay của ông B là 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng)...*”. Ngày 26/10/2022 Tòa án ra Thông báo số 03/TB-TA yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản chính giấy vay tiền ngày 16/10/2020 giữa bên cho vay là ông Vũ Duy B và bên vay là bà Lê Hồ Phương T (bút lục số 65).

Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện cung cấp tài liệu có 02 bản photocopy Giấy vay tiền lập ngày 16/10/2020 nội dung: “*Ông Vũ Duy B cam kết số tiền cho vay là tài sản riêng của cá nhân ông B, bên vay là bà Lê Hồ Phương T ... bằng văn bản này bà Lê Hồ Phương T xác nhận tính đến ngày 16/10/2020 đã nhận số tiền vay của ông B là 2.000.000 VNĐ (Hai tỷ đồng). Lãi suất 2%/tháng. Thời hạn 12 tháng hai bên ký tên*” (bút lục số 02) và 01 bản photocopy giấy vay tiền lập ngày 16/10/2020 trong giấy này có dấu mộc vuông mực đỏ với nội dung “**ĐÃ ĐỐI CHIẾU BẢN CHÍNH**” (bút lục số 18); Biên bản về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 11/11/2022, không có tài liệu bản gốc giấy vay tiền lập ngày 16/10/2022 mà thay vào đó là 01 bảng tường trình về việc giao nộp tài liệu chứng cứ ngày 02/11/2022 của ông Đoàn Quốc D (đại diện theo ủy quyền của ông B - bút lục 23).

Tòa án sơ thẩm không làm rõ nội dung của tài liệu “có dấu mộc vuông mực đỏ” với nội dung: “**ĐÃ ĐỐI CHIẾU BẢN CHÍNH**” tại bút lục số 18 do ai là người

đóng dấu lên tài liệu này? hồ sơ không có tài liệu nào chứng minh nguyên đơn nộp chứng cứ gốc để xem xét giải quyết, không có biên bản giao nhận tài liệu photocopy này theo quy định, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại mục “[2.2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”. Nguyên đơn đã cung cấp giấy vay tiền ngày 16/10/2020 để chứng minh cho yêu cầu của mình là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự” là không phản ánh đúng tài liệu có tại hồ sơ. Việc căn cứ vào tài liệu photocopy và thu thập chứng cứ không tuân thủ quy định giao nộp chứng cứ và xác định chứng cứ của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 95, khoản 2 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn bà Lê Hồ Phương T có đơn yêu cầu giám định đối với Giấy vay tiền ngày 16/10/2020, giữa ông Vũ Duy B và bà Lê Hồ Phương T; nguyên đơn nộp tài liệu gốc Giấy vay tiền ngày 16/10/2020 để giám định chữ viết và chữ ký, nên vi phạm về thủ tục thu thập chứng cứ như đã phân tích trên của Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Căn cứ vào Kết luận giám định số 2191/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng có nhiều nội dung mâu thuẫn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ trước ngày 16/10/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có những khoản vay nào, việc giao nhận tiền giữa hai bên và những vấn đề liên quan đến khoản vay. Bị đơn bà Lê Hồ Phương T có cung cấp thêm 04 văn bản trình bày và tường trình nội dung thu âm bằng điện thoại giữa các cuộc nói chuyện của một số người mà bị đơn cho rằng có liên quan. Qua xem xét các nội dung xuất xứ cuộc ghi âm chỉ thể hiện các cuộc trao đổi làm ăn, giao dịch ngoài xã hội của các đương sự, nội dung trong các cuộc ghi âm không thể hiện liên quan đến giao dịch vay mượn tiền giữa ông Vũ Duy B và bà Lê Hồ Phương T theo Giấy vay ngày 16/10/2020. Ngoài ra, quá trình tố tụng tại 2 cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị đơn bà T luôn khẳng định không biết ông Vũ Duy B là ai và không thực hiện giao dịch vay tiền nào với ông Vũ Duy B, nhưng không lý giải được tại sao ông Vũ Duy B lại có Giấy vay tiền ngày 16/10/2020 và có chữ ký và chữ viết của bà T trên giấy này.

Như vậy, căn cứ kết luận giám định và các tài liệu bổ sung của bị đơn bà T thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều nội dung còn mâu thuẫn, cụ thể như: chưa lấy lời khai của nguyên đơn để làm rõ nội dung trước ngày 16/10/2020 bà T vay của ông B các lần khác là những lần nào, tài liệu chứng cứ kèm theo? Giao nhận tiền bằng hình nào, có ai chứng kiến giao dịch vay tiền hay không? Đồng thời, qua một số người mà bà T cho rằng có liên quan và biết sự việc, nhưng Tòa án chưa yêu cầu đương sự cung cấp họ tên, địa chỉ cụ thể để lấy lời khai và cần thiết sẽ tiến hành đối chất, nhằm làm sáng tỏ vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đủ cơ sở.

Từ những vi phạm như trên của Tòa án cấp sơ thẩm, nhận thấy cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về để Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Triệu Đăng K và ông Bùi Tấn T1 có văn bản trình bày ý kiến yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm và đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, ông T1 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thu thập chứng cứ: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 16/10/2020 (bút lục 18) để xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án không có giấy vay tiền bản chính hoặc được đối chiếu bản chính. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu nguyên đơn xuất trình chứng cứ bản chính để đối chiếu tại cấp phúc thẩm, do đó sai sót về thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm đã được cấp phúc thẩm khắc phục.

[1.3] Trong quá trình xét xử vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giám định và giám định bổ sung với các nội dung sau:

1. Giám định chữ ký phía dưới dòng chữ “Bên cho vay” và chữ viết “Vũ Duy B” trên “Giấy vay tiền” ngày 16/10/2020 có phải của ông Vũ Duy B không?

2. Giám định chữ ký phía dưới dòng chữ “Bên cho vay” và chữ viết “Vũ Duy B” có được ký, viết vào cùng thời điểm với chữ viết “đã đọc và đồng ý, chữ viết “Lê Hồ Phương T”, chữ ký dưới dòng chữ “đã đọc và đồng ý”, dấu vân tay ở hai bên dòng chữ “Lê Hồ Phương T” trong “Giấy vay tiền” ngày 16/10/2020 hay không?

3. Giám định “Giấy vay tiền” ngày 16/10/2020 có cắt ghép, in đè nội dung hay không? Nội dung “*Giấy vay tiền. Hôm nay ngày 16/10/2020. Bên cho vay: Ông Vũ Duy B sn 1958. CCCD: 001058016321 ngày 25/9/2019 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: 32 N, phường 9, quận 8 TP HCM. Ông B cam kết số tiền cho vay là tài sản riêng của cá nhân ông B. Bên vay: Bà Lê Hồ Phương T sn 1978. CMND: 280714349 cấp ngày 30/8/2009 tại Công an tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: 66/25 tổ 25 phường T, thành phố T, Bình Dương, tỉnh Bình Dương. Bằng văn bản này bà Lê Hồ Phương T xác nhận tính đến ngày 16/10/2020 đã nhận số tiền vay của ông B là 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng). Lãi suất 2%/tháng (hai phần trăm mỗi tháng). Thời hạn 12 tháng. Bên vay cam kết tự sử dụng và tự chịu trách nhiệm đối với số tiền vay như trên. Bên vay cam kết trả gốc và lãi theo đúng thỏa thuận như trên. Bên cho vay. Bên vay*” có được lập, in ra

cùng thời điểm với cụm từ “đã đọc và đồng ý, chữ viết “Lê Hồ Phương T”, chữ ký giữa dòng chữ “đã đọc và đồng ý” và chữ viết “Lê Hồ Phương T”, dấu vân tay ở hai bên dòng chữ “Lê Hồ Phương T” trong “Giấy vay tiền” ngày 16/10/2020 hay không?

4. Giám định loại mực của dấu vân tay nằm hai bên dòng chữ “Lê Hồ Phương T” trên “Giấy vay tiền” ngày 16/10/2020 có trùng với loại mực của dấu vân tay bà Lê Hồ Phương T trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/10/2020 giữa bà Lê Hồ Phương T và bà Nguyễn Thị Tố U được Văn phòng công chứng A (nay là Văn phòng Công chứng T) công chứng số 7806, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2020.

5. Giám định chữ ký, chữ viết “*Đã đọc và đồng ý*”, “*Lê Hồ Phương T*” của bà Lê Hồ Phương T dưới mục bên vay trong “Giấy vay tiền” ngày 16/10/2020 so với mẫu so sánh có phải do một người ký và viết ra hay không?

Ngày 31/10/2023 TAND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 15/2023/QĐ-TCGD trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương giám định. Ngày 14/11/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương có Công văn 547/KTHS (TL) về việc chuyển hồ sơ đến C09B-BCA với nội dung yêu cầu giám định vượt khả năng giám định của địa phương nên chuyển toàn bộ hồ sơ đến Phân viện Khoa học hình sự (C09B) Bộ Công an để giám định.

Đến ngày 25/3/2024, TAND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 02/2024/QĐ-TCGD đề nghị Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định các nội dung nêu tại mục [1.2].

[1.4] Tại Kết luận giám định số 219/KL-KTHS ngày 06/6/2024 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung:

1. Chữ ký đứng tên Vũ Duy B, chữ viết “Vũ Duy B” dưới mục “Bên cho vay” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Duy B trên các tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký đứng tên Lê Hồ Phương T, chữ viết “Lê Hồ Phương T” dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Hồ Phương T trên các tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra.

3. Không xác định được chữ ký đứng tên Vũ Duy B, chữ viết “Vũ Duy B” dưới mục “Bên cho vay” trên tài liệu cần giám định có được ký, viết cùng thời điểm chữ ký đứng tên Lê Hồ Phương T, chữ viết “Lê Hồ Phương T” dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định hay không.

4. Tài liệu cần giám định không có dấu hiệu cắt ghép, in đè nội dung.

5. Không xác định được nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “*giấy vay tiền Hôm nay ngày 16/10/2020... Bên cho vay. Bên vay*” trên tài liệu cần giám định có được lập, in ra cùng thời điểm với chữ ký, đứng tên Lê Hồ Phương T, chữ viết “đã đọc và đồng ý” “Lê Hồ Phương T”, dấu vân tay hai bên dòng chữ “Lê Hồ Phương T” dưới mục “Bên vay” trên cùng tài liệu cần giám định hay không.

6. Không xác định được loại mực dấu vân tay hai bên dòng chữ Lê Hồ Phương T” dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định có trùng với loại mực của dấu vân tay bà Lê Hồ Phương T (dưới mục “Bên A”) trên mẫu so sánh hay không.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng kết luận giám định đã chứng minh việc vay tiền và ký giấy vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và bà T phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho nguyên đơn như án sơ thẩm đã tuyên.

[2.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng nguyên đơn trình bày về nội dung vay tiền mâu thuẫn với nội dung Giấy vay tiền ngày 16/10/2020. Xem xét nội dung giấy vay tiền thể hiện: Trong nội dung Giấy vay tiền ngày 16/10/2020 có đoạn ghi: “...*Bằng văn bản này bà Lê Hồ Phương T xác nhận tính đến ngày 16/10/2020 đã nhận số tiền vay của ông B là 2.000.000.000 VNĐ (hai tỷ đồng). Lãi suất 2%/tháng (hai phần trăm mỗi tháng). Thời hạn 12 tháng. Bên vay cam kết tự sử dụng và tự chịu trách nhiệm đối với số tiền vay như trên. Bên vay cam kết trả gốc và lãi theo đúng thỏa thuận như trên...*”. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2022 (bút lục số 6) và Bản tự khai ngày 04/10/2022 (bút lục số 11), nguyên đơn có trình bày “...*ngày 16/10/2020 bà Lê Hồ Phương T có vay của tôi số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 12 tháng...*”. Tuy nhiên, tại bút lục số 25 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông Đoàn Quốc D) lại trình bày rằng: “...*giữa ông B và bà T có mối quan hệ quen biết, làm ăn lâu năm. Trong suốt quá trình giao dịch, bà T nhiều lần vay tiền ông B và có xác nhận nợ bằng các giấy xác nhận nợ khác nhau. Nhằm mục đích tổng hợp số nợ và tính lãi suất số tiền vay nên ngày 16/10/2020, ông Vũ Duy B và bà Lê Hồ Phương T tổng kết nợ và bà T xác nhận đã nợ ông Vũ Duy B tổng số tiền tính đến ngày 16/10/2022 là 2.000.000.000 đồng. bà T chịu lãi suất với số tiền trên từ ngày 16/10/2022 với lãi suất là 2%/tháng; thời hạn vay 12 tháng và cam kết trả lãi và gốc đúng hạn theo thỏa thuận. Sau khi bà T và ông B thống nhất nội dung trên thì cả hai đã cùng hủy bỏ các giấy vay tiền mà bà T đã vay của ông B trước đây...*”. Như vậy, nội dung trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện và bản tự khai là mâu thuẫn nhau, mâu thuẫn với nội dung được ghi trong giấy vay tiền.

[2.3] Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã có triệu tập các bên đương sự lên để đối chất làm rõ các mâu thuẫn trong lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhưng không thực hiện được việc đối chất do nguyên đơn xin vắng mặt, cấp phúc thẩm cũng đã triệu tập để đối chất nhưng nguyên đơn từ chối đối chất nên cấp phúc thẩm không thực hiện được việc đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó, để làm rõ các tình tiết của vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các chứng cứ khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của các bên đương sự.

[2.4] Theo trình bày và tài liệu, chứng cứ của bị đơn cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm tại các bút lục số từ 41-47 là bản sao hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị đơn Lê Hồ Phương T và bà Nguyễn Thị Tố U vào ngày 16/10/2020 không có công chứng chứng thực để chứng minh ngày 16/10/2020 bà T chỉ ký hợp đồng với bà U, không ký với ông B. Tuy nhiên, nội dung trình bày của bị đơn không được cấp sơ thẩm xem xét.

[2.5] Tại cấp phúc thẩm, bị đơn tiếp tục trình bày và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, làm rõ mối quan hệ giữa nguyên đơn, bị đơn và các bên có liên quan đến việc vay nợ, thế chấp tài sản của bị đơn. Để làm rõ tài liệu chứng cứ nêu trên, theo yêu cầu của bị đơn, Tòa án cấp phúc thẩm đã xác minh, thu thập chứng cứ tại Văn phòng Công chứng T và theo Biên bản làm việc ngày 14/5/2024, Văn phòng Công chứng T cung cấp thông tin kèm theo bản sao Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/10/2020 giữa bà Lê Hồ Phương T và bà Nguyễn Thị Tô U được chứng thực bởi Văn phòng công chứng A (nay là T) số công chứng 7806, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2020 thể hiện vào ngày 16/10/2020 bà T có ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà U quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1430, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, diện tích 93.9m² với giá 1.000.000.000 đồng. Hợp đồng này khác với hợp đồng bị đơn cung cấp tại cấp sơ thẩm ở mục ghi chữ “Tôi đã đọc và đồng ý” và dấu vân tay (trong hợp đồng cấp sơ thẩm thu thập không có nội dung này).

[2.6] Theo bị đơn bà T xác định vào ngày 16/10/2020 bà T chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà U, tuy nhiên hợp đồng này che giấu cho hợp đồng vay tiền mà người vay thực chất là bà Lê Mai Anh T2 nhưng người bảo đảm cho khoản vay bằng quyền sử dụng đất là bà T do đất là của bà T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo trình bày của bà U và bà T2 thì do bà T2 có nhờ bà T đứng ra vay thế chấp quyền sử dụng đất giúp bà T2, thực chất bà T2 là người nhận tiền từ bà U và nợ bà U. Vụ việc tranh chấp nợ giữa bà T và bà U được giải quyết bởi Tòa án nhân dân thành phố T.

[2.7] Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ từ Tòa án nhân dân thành phố T, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 158/2023/QĐST-DS ngày 11/12/2023 Tòa án nhân dân thành phố T đã công nhận sự thỏa thuận của bà U và bà T về việc chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 16/10/2020 và bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà U 1.400.000.000 đồng.

[2.8] Ngoài ra, bị đơn còn cung cấp thông tin về sự thỏa thuận của bà T và bà T2, ông Phạm Nhựt Sơn (chồng bà T2) trong vụ án tranh chấp ly hôn thụ lý số 496/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T theo đó bà T2 có trách nhiệm thanh toán cho bà T 1.592.500.000 đồng theo Quyết định số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2022 công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Theo trình bày của bị đơn thì khi bà T2 thanh toán tiền cho bà T, bà T sẽ thanh toán lại cho bà U và bà U có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP019219 ngày 13/4/2009 cấp cho bà T.

[2.9] Theo bị đơn trình bày ngoài giao dịch vay tiền của bà U thì bà T không thực hiện giao dịch với bất kỳ người nào vào ngày 16/10/2020. Ngoài giấy vay tiền còn mâu thuẫn về nội dung thì nguyên đơn không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào khác liên quan đến mối quan hệ làm ăn, những người có thể làm chứng về mối quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn, việc giao nhận tiền giữa hai bên cũng như phương thức giao nhận tiền đối với các khoản vay trước ngày 16/10/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Quốc D và đồng thời nguyên đơn là bên đi khởi kiện nhưng lại từ

chối đối chất với bị đơn tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Do đó, cần xác định thời điểm nguyên đơn cho bị đơn vay là từ khi nào, các lần vay cụ thể bao nhiêu tiền, thời gian nào, lãi phát sinh bao nhiêu, phương thức vay như thế nào để có cơ sở vững chắc xác định nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

[2.10] Mặt khác, theo trình bày của bị đơn thì sau khi nguyên đơn khởi kiện, qua tìm hiểu bị đơn mới phát hiện địa chỉ của nguyên đơn trùng với địa chỉ văn phòng làm việc của ông Phạm Hoàng L là người đại diện cho bị đơn trong quá trình thi hành án đối với vụ án tranh chấp ly hôn giữa bà T2 và ông S. Ông L là người biết rất rõ mối quan hệ vay tiền giữa bà T2, bà T và bà U nhưng sau này lại làm hồ sơ cho ông B đi khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ. Như vậy, giữa bà T, ông B, Ông L, bà T2, bà U có mối quan hệ như thế nào cũng cần được làm rõ.

[3] Từ những tình tiết phân tích nêu trên, do tại Tòa án cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới cần được xem xét ở 2 cấp xét xử đồng thời cần xác minh thu thập thêm chứng cứ liên quan đến các lần ký kết giao dịch vay tiền của nguyên đơn và bị đơn, mối quan hệ làm ăn giữa nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia vào các giao dịch với nguyên đơn, bị đơn tại thời điểm trước và sau khi ký kết giấy vay tiền ngày 16/10/2020 để làm rõ các mâu thuẫn và đánh giá đúng bản chất của vụ án làm cơ sở giải quyết vụ án triệt để. Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 3 Điều 308; Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Hồ Phương T.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 160/2023/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Lê Hồ Phương T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0002252 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2024)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Mai